TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2026/DS-ST
Ngày: 26-5-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Vĩnh Hạnh

2. Ông Huỳnh Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Gia Hân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 581/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Trương Văn B**, sinh ngày 12/10/1986; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã N, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Nhựt C (vắng mặt); Đặng Ngọc M (có mặt); địa chỉ: Số A đường T, khóm C, phường L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà **Đinh Thị Bích H**, sinh năm 1992 (CCCD: 092192000709); địa chỉ thường trú: Số E, Tổ A, Khóm T, phường L, tỉnh An Giang; Địa chỉ trong hợp đồng: Khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ và khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ông Trương Văn B cho bà Đinh Thị Bích H vay tiền 02 lần với tổng số tiền gốc 1.271.620.000 đồng hai bên có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng. Tuy hợp đồng không ghi nhận nhưng hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất cho vay 1%/tháng. Mục đích bà H vay tiền để sản

xuất kinh doanh và tiêu dùng. Kể từ khi vay tiền đến nay thời gian đã quá lâu nhưng bà H không trả gốc, lãi cho nên ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Đinh Thị Bích H trả cho ông Trương Văn B tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/12/2024 là 1.502.153.200 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 1.271.620.000 đồng.

- Nợ lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 21/4/2023 với lãi suất 12%/năm tạm tính đến ngày 25/12/2024 là 223.618.800 đồng.

- Nợ lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 với lãi suất 12%/năm tạm tính đến ngày 25/12/2024 là 6.914.400 đồng.

Bị đơn vắng mặt suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản nêu ý kiến.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, giữ nguyên yêu cầu đòi nợ gốc; thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng mà chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả khi nợ quá thời hạn cam kết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; Việc thụ lý vụ án và xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và người tham gia tố tụng khác đúng quy định tại các Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 205, 208, 209, 210, 211, 101, 203, 220, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71,72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo các hợp đồng vay đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền theo các hợp đồng vay đã ký. Theo hợp đồng thể hiện bị đơn có địa chỉ tại phường T, thành phố Cần Thơ nên quan hệ pháp luật của vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Theo thông tin ghi nhận trên Căn cước công dân số CCCD: 092192000709, bà Đinh Thị Bích H, sinh ngày 15/4/1992 có nơi đăng ký thường trú tại số E, Tổ A, Khóm T, phường L, tỉnh An Giang nhưng

qua xác minh Công an phường L ghi nhận tại địa chỉ trên không có bà Đinh Thị Bích H sinh sống.

Căn cứ vào các hợp đồng vay tiền ngày 21/4/2023 và ngày 25/12/2023 thì bà Đinh Thị Bích H ghi địa chỉ tại khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ và địa chỉ tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ*)*. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại Công an phường T, Công an phường T ghi nhận địa phương không có đương sự tên Đinh Thị Bích H đang cư trú.

Tòa án tiến hành xác minh tại khu vực P, phường T thì ghi nhận bà H thỉnh thoảng có về nhà bà con tại khu vực mà không có báo với địa phương. Điều này thể hiện bà H cố tình giấu địa chỉ và cung cấp địa chỉ nhiều nơi nên Tòa án không thể thực hiện thủ tục tống đạt/niêm yết được. Do đó, Tòa án tiến hành đăng các thủ tục tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Đến nay bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét hợp đồng vay tiền ngày 21/4/2023 được công chứng tại Văn phòng C1 thể hiện bà Đinh Thị Bích H vay của ông Trương Văn B số tiền 1.214.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng *(tức ngày hết hạn hợp đồng là ngày 22/10/2023)*. Do đó, hợp đồng này có thật và đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận vay tiền.

- Xét hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 được công chứng tại Văn phòng C1 thể hiện bà Đinh Thị Bích H vay của ông Trương Văn B số tiền 57.620.000 đồng; Thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng *(tức ngày hết hạn hợp đồng là ngày 26/01/2024).* Do đó, hợp đồng này có thật và đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận vay tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp tài liệu thể hiện đã thanh toán đủ tiền gốc, tiền lãi cho nguyên đơn nên xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 1.271.620.000 đồng.

- Đối với yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả: Xét cả hai hợp đồng đều ghi lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng nguyên đơn không cung cấp được văn bản chứng minh có thỏa thuận số tiền lãi bà H phải trả nên xem như hợp đồng lãi suất 0%. Tuy nhiên, ông B được quyền yêu cầu bà H trả lãi chậm trả đối với số nợ gốc đến hạn mà chưa thanh toán theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể như sau:

Hợp đồng vay tiền ngày 21/4/2023, tính lãi 0.83%/tháng kể từ ngày 22/10/2023 đến ngày 26/5/2026 là 315.471.825 đồng.

Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023, tính lãi 10%/tháng kể từ ngày 26/01/2024 đến ngày 26/5/2026 là 12.963.981 đồng.

Tổng cộng, gốc lãi tính đến ngày 26/5/2026 bà H phải trả cho ông B là 1.602.055.807 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nên chấp nhận.

[4] Chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Trương Văn B tự nguyện chịu.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 180, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đinh Thị Bích H trả cho ông Trương Văn B số tiền tính đến ngày 26/5/2026 là 1.602.055.807 đồng theo các hợp đồng vay tiền ngày 21/4/2023 và ngày 25/12/2023. Trong đó, nợ gốc: 1.271.620.000 đồng và 330.435.806 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm bà Đinh Thị Bích H còn phải chịu tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại 25.074.300 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000421 ngày 08/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

Bị đơn phải chịu 60.061.674 đồng, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

3. Chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 6.936.000 đồng ông Trương Văn B tự nguyện chịu. Đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS KV2 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Quyên